

Bản án số: 177/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 12/6/2026

V/v tranh chấp: *Xin ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thái Mỹ Nhung**

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Văn Mến**.

2/ Bà **Lê Thị Tuyết Mai**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Võ Thị Phi Liễu**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ.

Ngày 12 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026. Về tranh chấp “*Xin ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 852/2026/QĐXX-ST ngày 25 tháng 5 năm 2026. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Thúy A**, sinh ngày 26/7/1980

CCCD số 092180000509 cấp ngày 10/5/2021; SĐT 0944 444 038

Địa chỉ: **Số A đường B, khu V, phường H, quận C, TP Cần Thơ. (Nay là Số A, khu V, phường H, thành phố Cần Thơ)**. Có đơn đề ngày 06/5/2026 xin giải quyết vắng mặt (BL 33).

- Bị đơn: Ông **Đoàn Văn M**, sinh ngày 24/11/1992;

CCCD số 049092000127 cấp ngày 06/9/2021; SĐT: 0917 108 038

Địa chỉ: **Số A đường B, khu V, phường H, quận C, TP Cần Thơ. (Nay là Số A, khu V, phường H, thành phố Cần Thơ)**. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 05/3/2026 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn **Phan Thị Thúy A** trình bày:

1/ Về hôn nhân: bà và ông **Đoàn Văn M** tự nguyện kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại **UBND phường A, quận N, thành phố Cần Thơ** vào ngày 04/9/2019. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng dần về sau thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân là bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã không có tiếng nói chung. Bà đã cố hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ nhưng mâu thuẫn ngày càng lớn, không hàn gắn được nên cả hai đã ly thân từ nhiều tháng nay. Nhận thấy không còn tình cảm với ông **M**, không thể hàn gắn được nên bà **A** xin ly hôn để không còn ràng buộc với nhau.

2/ Về con chung: Bà khai vợ chồng có 01 con chung tên Đoàn Thị Ngọc M1 (nữ) sinh ngày 16/01/2024 hiện đang sống với bà A. Nguyên đơn yêu cầu được nuôi cháu Đoàn Thị Ngọc M1 và không yêu cầu ông M cấp dưỡng để nuôi con.

3/ Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, bị đơn ông Đoàn Văn M đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không rõ lý do. Vì thế Tòa án không tiến hành hòa giải được. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nên vụ án được đưa ra xét xử công khai vắng mặt các bên.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà Phan Thị Thúy A và ông Đoàn Văn M xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nên được xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, thuộc phạm vi điều chỉnh của luật hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Nhận thấy cuộc sống chung của hai vợ chồng đã có thời gian hạnh phúc, đã có con chung với nhau. Lẽ ra cả hai phải càng hiểu và quan tâm đến nhau nhiều hơn. Nhưng ông M lại không quan tâm đến hôn nhân, không thiện chí hàn gắn khi có rạn nứt trong quan hệ vợ chồng. Thậm chí khi bà A có đơn xin ly hôn tại tòa án ông vẫn không quan tâm, không liên hệ với Tòa án để trình bày ý kiến của mình. Qua nguồn Thông tin Công dân từ Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (BL 12) thì ông M hiện vẫn đang sinh sống tại địa phương nhưng cố tình vắng mặt không liên hệ với Tòa án để giải quyết vụ kiện. Chứng tỏ ông không có thiện chí muốn duy trì cuộc hôn nhân này với bà A nữa.

[3] Mặc dù đã được động viên hàn gắn đoàn tụ nhưng bà A cho rằng giữa vợ chồng không hòa hợp về tính cách nên thường gây gổ; vợ chồng không thể có tiếng nói chung và không quan tâm đến đối phương. Bản thân bà cũng không còn tình cảm gì với ông M, không còn tha thiết muốn duy trì cuộc hôn nhân này nữa. Tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 06/5/2026 (BL 35) và Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 06/5/2026 (BL 33), bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông M và hiện mâu thuẫn vợ chồng không có cơ hội đoàn tụ. Hội đồng xét xử nhận thấy đời sống chung thực tế của hai vợ chồng bà A và ông M đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân của hai người không đạt được. Và hôn nhân thì phải xuất phát từ sự tự nguyện của cả hai người. Nên việc bà Phan Thị Thúy A xin được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: nguyên đơn xác định vợ chồng có 01 con chung tên Đoàn Thị Ngọc M1 (nữ) sinh ngày 16/01/2024 hiện đang sống với nguyên đơn. Xét cháu Đoàn Thị Ngọc M1 là con dưới 36 tháng tuổi nên giao cho mẹ trực

tiếp nuôi, hiện cũng đang sống với bà A. Mặc khác, trong thời gian vợ chồng ly thân cho đến hiện nay cháu đều do bà A nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt. Không có cơ sở chứng minh bà A không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt, phù hợp với giới tính và tâm sinh lý của cháu bé, theo Điều 58 và 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của bà Phan Thị Thúy A là giao con cho bà tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung.

Tuy nhiên ông Đoàn Văn M vẫn được quyền tới lui thăm con theo quy định của pháp luật, không ai được ngăn cản. *Nếu sau này ông M và bà A có tranh chấp hay yêu cầu thay đổi người nuôi con có thể khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.*

[5] Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: mặc dù đã được giải thích vấn đề cấp dưỡng là quyền lợi của con chung chứ không phải của người nuôi con nhưng bà A vẫn không chấp nhận và ông M không liên hệ Tòa án để trình bày yêu cầu. Xét đây là tự nguyện thỏa thuận của đương sự, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên chấp nhận. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không được đặt ra giải quyết do đương sự không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung: nguyên đơn xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Tòa án không điều chỉnh phần này.

[7] Nợ chung: nguyên đơn xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Tòa án không điều chỉnh phần này.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.
- Điều 28, 35, 147, **228**, 235, 264, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.
- Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

1/- Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Cho bà Phan Thị Thúy A được ly hôn với ông Đoàn Văn M.

2/- Về con chung: giao cháu Đoàn Thị Ngọc M1 (nữ) sinh ngày 16/01/2024 cho bà Phan Thị Thúy A tiếp tục nuôi dưỡng.

Không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Đoàn Văn M.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông Đoàn Văn M theo quy định của pháp luật.

3/- Về tài sản chung: không có và không yêu cầu nên Tòa án không điều chỉnh. Nếu sau này các bên có yêu cầu thì sẽ được tách ra thành vụ kiện khác để giải quyết theo quy định của pháp luật.

4/- Nợ chung: không có và không yêu cầu nên không điều chỉnh. Nếu sau này các bên có yêu cầu thì sẽ được tách ra thành vụ kiện khác để giải quyết theo quy định của pháp luật.

5/- Về án phí: Bà **Phan Thị Thúy A** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004959 ngày 17/3/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà **Phan Thị Thúy A** đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã, phường nơi cư trú thì các đương sự được quyền kháng cáo để xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND TP Cần Thơ.
- VKSND KV 3- Cần Thơ.
- UBND phường An Cư,  
(Q. Ninh Kiều cũ) TP Cần Thơ.
- Người TGTT.
- Lưu HS – **BA Thái Mỹ Nhung**

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Thái Mỹ Nhung**







